

Số: /BC- UBND

Phong Thổ, ngày tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả công tác giáo dục năm học 2022-2023, Nhiệm vụ năm học 2023-2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2022-2023

1. Quy mô trường lớp

Quy mô mạng lưới trường, lớp, học sinh: Tổng số trường trong huyện: 48 trường với 864 lớp, nhóm lớp = 23.444 học sinh (giảm 06 nhóm, lớp; tăng 390 học sinh). Trong đó: Mầm non: 17 trường với 281 nhóm, lớp với 6.427 cháu. Tiểu học 13 trường với 395 lớp = 10.134 học sinh; cấp THCS 13 trường 188 lớp = 6.883 học sinh; Trường liên cấp TH và THCS có 05 trường (**Biểu 01 kèm theo**).

2. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý các cấp

Đội ngũ CBQL, GV, NV: Tính đến hết 31/5/2023, tổng số CBQL, giáo viên các cấp học 1.613. Trong đó: Cấp học Mầm non: 505, Tiểu học: 663, THCS: 440, Văn phòng phòng GD&ĐT: 06 (**Biểu 5a, b, c kèm theo**)

Chỉ đạo ngành GD-ĐT ngay từ đầu năm học tiến hành rà soát, sắp xếp lại bộ máy, nhân sự các trường nhằm tinh gọn bộ máy, phù hợp với năng lực chuyên môn và vị trí việc làm, khắc phục tình trạng thừa, thiếu GV cục bộ, đảm bảo đội ngũ nhà giáo các cấp học đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Công tác quy hoạch, bổ sung quy hoạch; bổ nhiệm, điều động, luân chuyển đội ngũ CBQL được thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, CBQL theo quy định.

Đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo cơ bản đảm bảo tỷ lệ theo quy định; công tác bồi dưỡng được tăng cường; khuyến khích đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên các cấp học thường xuyên tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp. Qua đó, chất lượng đội ngũ ngày càng được nâng cao.

Các trường học đã xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trong thực thi công vụ đối với công chức, viên chức ngành giáo dục đúng quy định; đề cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, lương tâm và đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo và CBQL.

Công tác kiểm tra: Chỉ đạo phòng GD-ĐT tăng cường công tác kiểm tra các đơn vị trường. Trong năm học, đã tiến hành kiểm tra 19 cuộc, trong đó cấp học

THCS 09 cuộc, Tiểu học 04 cuộc, Mầm non 06 cuộc với tổng số cán bộ quản lý, giáo viên được kiểm tra là 480 người. Kiểm tra đột xuất 13 cuộc, kiểm tra chuyên đề 05 cuộc (việc chi trả chế độ chính sách của các đơn vị; công tác xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp; việc tham gia tập huấn, bồi dưỡng chương trình GDPT 2018...).

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục

3.1. Đối với giáo dục mầm non

Công tác huy động: Nhà trẻ 845/3.858 trẻ, đạt 21,9% (tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước); Mẫu giáo 5.597/5.599 trẻ đạt 99,9% (tăng 0,2% so với cùng kỳ năm học trước); trẻ 5 tuổi ra lớp 2.016/2.016 trẻ đạt tỷ lệ 100 %, đảm bảo kế hoạch đề ra.

Tiếp tục chỉ đạo phát triển Chương trình GDMN gắn với điều kiện thực tiễn vùng miền, áp dụng đa dạng các hình thức và phương pháp đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp và khả năng của trẻ.

Chú trọng xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm theo phương châm “học bằng chơi, chơi mà học” phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Chỉ đạo các trường có biện pháp tuyên truyền đến các bậc phụ huynh về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển về thể chất; phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, chế độ vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh và kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn trong các cơ sở GDMN để tổ chức tốt bữa ăn bán trú cho trẻ tại trường; thực hiện các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em.

Kết quả cụ thể: (Biểu 02 kèm theo)

100% trẻ đến trường được khám sức khỏe định kỳ và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, kết quả chăm sóc cụ thể:

*** Đối với trẻ nhà trẻ**

Tổng số trẻ phát triển bình thường về cân nặng: $775/855=90,6\%$, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân 80/855 chiếm 9,4%.

Tổng số trẻ phát triển bình thường về chiều cao: $773/855 = 90,4\%$, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi 82/855 chiếm 9,6%.

*** Đối với trẻ Mẫu giáo**

Tổng số trẻ phát triển bình thường về cân nặng $5.060/5.572 = 90,8\%$, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân 512/5.572 chiếm 9,2%, Trong đó: Trẻ 5 tuổi phát triển bình thường về cân nặng: $1.850/1.996 = 92,7\%$, Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) thể nhẹ cân 146/1.996 chiếm 7,3% .

Tổng số trẻ phát triển bình thường về chiều cao: $4.992/5.572 = 89,6\%$, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi 580/5.572 chiếm 10,4%, Trong đó: Trẻ 5 tuổi phát triển bình thường về chiều cao: $1.838/1.996 = 92,1\%$, Tỷ lệ trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) thể thấp còi 158/5.572 chiếm 7,9%. Tỷ lệ trẻ béo phì:

$3/6.427 = 0,05\%$

Có 6.427/6.427 đạt 100% trẻ mầm non đến trường được học 2 buổi/ngày và tổ chức ăn bán trú tại trường.

Số trẻ đạt chất lượng giáo dục $6.260/6.410 = 97,4\%$ (17 trẻ khuyết tật không tham gia đánh giá), trong đó:

Trẻ nhà trẻ: $814/855 = 95,2\%$ trẻ đạt yêu cầu về chất lượng; Trẻ mẫu giáo: $5.446/5.555 = 98,0\%$ trẻ đạt yêu cầu về chất lượng.

3.2. Giáo dục tiểu học

Tổng số học sinh 6 tuổi tuyển sinh vào lớp 1/tổng số trẻ 6 tuổi là: $2.007/2.007$ đạt 100 %, đảm bảo kế hoạch đề ra.

Chỉ đạo giảng dạy đảm bảo đúng chương trình giáo dục phổ thông, giao quyền chủ động cho các trường học trong việc điều chỉnh nội dung bài học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động học tập của học sinh và phù hợp với địa phương.

Chỉ đạo các đơn vị quan tâm đến học sinh có hoàn cảnh khó khăn và tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số; phối hợp với Dự án Plan tổ chức triển khai và nhân rộng hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực, sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, điều chỉnh chương trình giáo dục tiểu học phù hợp với bối cảnh địa phương và mô hình thư viện thân thiện. Tổ chức hoạt động “Ngày hội đọc sách gia đình” làm thay đổi nhận thức của học sinh, phụ huynh về tầm quan trọng của việc đọc sách. Xây dựng thói quen đọc sách của học sinh, phụ huynh và giáo viên.

Tiếp tục chỉ đạo tổ chức tốt việc đánh giá học sinh tiểu học theo văn bản hướng dẫn của của Bộ Giáo dục và đào tạo. Kết quả:

Xếp loại chung học lực các môn học: Hoàn thành xuất sắc: $1.307/9.993$ đạt 13,08%; Hoàn thành tốt: $3.003/9.993$ đạt 30%; Hoàn thành: $5.671/9.993$ đạt 56,8%; Chưa hoàn thành: $12/9.993$ chiếm 0,12%.

Học sinh đánh giá định kỳ về năng lực: Tốt: $4.464/9.993$ đạt 44,7%, Đạt: $5.340/9.993 = 53,4\%$; Cần cố gắng: $11/9.993$ chiếm 0,11%.

Học sinh đánh giá định kỳ về phẩm chất: Tốt: $4.660/9.993$ đạt 46,6%, Đạt: $5.151/9.993 = 51,5\%$; Cần cố gắng: $4/9.993$ chiếm 0,04%. **(Biểu 03 kèm theo)**

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm học trên cơ sở các Nghị quyết của tỉnh, ngành, đồng thời gắn với đặc thù địa phương. Nâng cao chất lượng xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Chỉ đạo các đơn vị chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

3.3. Giáo dục THCS

Tổng số học sinh lớp 6 tuyển sinh được/ tổng số hoàn thành chương trình tiểu học là: $1.869/1.871 = 99,9\%$

Tích cực đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo; thực hiện tốt việc giao quyền tự chủ về nội dung chương trình, kế hoạch dạy học đến từng trường và giáo

viên; đa số giáo viên tích cực, chủ động trong đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá phù hợp đối tượng học sinh và mục tiêu giáo dục; việc đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đã đi vào nền nếp và hiệu quả hơn.

Quan tâm chỉ đạo và thực hiện tốt công tác xây dựng trường trung học đạt chuẩn quốc gia, đặc biệt là việc cải tạo khuôn viên, cảnh quan trường, lớp học. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, tư vấn nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường vùng khó khăn biên giới.

Tích cực tham mưu xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới;

*** Chất lượng hai mặt giáo dục:**

Tích cực tham mưu xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; Kết quả chất lượng hai mặt giáo dục:

Số học sinh xếp loại học lực giỏi: 648 học sinh, đạt 9,6%; Học sinh xếp loại học lực khá: 2.716 đạt 40,1%. Số học sinh xếp loại học lực trung bình: 3.187, đạt 47,1%, Yếu: 212 chiếm 3,1%, Kém: 01 chiếm 0,01%. Số học sinh xếp loại Hạnh kiểm: Tốt: 4.539 đạt 67,1%, Khá: 2.057 đạt 30,4%, Trung bình: 163, chiếm 2,4%, Kém: 0. (*Biểu số 04 kèm theo*)

*** Giáo dục mũi nhọn:**

Tổ chức thi học sinh giỏi các môn văn hoá lớp 8, 9 cấp huyện với 122 học sinh tham gia có 77 giải, trong đó: giải Nhất: 04, Giải nhì: 12, giải ba: 23, Khuyến khích: 38. Tổng số học sinh tham gia thi chọn cấp Tỉnh: 43 HS, đạt giải: 22 HS = 51,2%. Trong đó: Giải nhất: 02; Giải ba: 05; Giải nhì: 05; Giải khuyến khích: 10.

Thi Olympic Tiếng anh trên Internet cấp huyện: Có 83 học sinh tham gia. Kết quả có 02 giải nhất, 06 giải nhì, 05 giải ba, 08 giải khuyến khích.

Thi Olympic Tiếng anh trên Internet cấp tỉnh: Có 56 học sinh tham gia. Kết quả có 02 giải nhất, 10 giải nhì, 06 giải ba, 02 giải khuyến khích.

Thi Olympic Tiếng anh trên Internet cấp Quốc gia: Có 25 học sinh tham gia. Kết quả có 01 huy chương đồng (Tiểu học Thị trấn Phong Thổ).

4. Công tác giáo dục dân tộc

100% các trường PTDTBT và trường có học sinh bán trú tổ chức nuôi dưỡng học sinh đảm bảo về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, một số trường đã tổ chức trồng rau, chăn nuôi,... cải thiện bữa ăn cho học sinh, điển hình một số trường làm tốt mô hình trường học gắn với sản xuất kinh doanh. Thực hiện đúng, đủ chế độ chính sách cho học sinh bán trú.

Tổng số học sinh huy động từ điểm trường lẻ về học tại trung tâm là 4.596 học sinh, cụ thể: Khối 1: 321 học sinh; Khối 2: 460 học sinh; Khối 3: 1.020 học sinh; Khối 4: 1.309 học sinh; Khối 5: 1.337 học sinh. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức nuôi dưỡng 3 bữa/ngày cho học sinh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống suy dinh dưỡng cho học sinh. Thường xuyên kiểm tra vệ

sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh nơi chế biến, quá trình chế biến thực phẩm, thức ăn hàng ngày cho học sinh. Tiếp nhận và bàn giao gạo hỗ trợ học sinh theo Nghị định 116 cho các trường trên địa bàn huyện với gần 800 tấn.

5. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC), xây dựng trường chuẩn quốc gia; Tăng cường cơ sở vật

5.1. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD-XMC)

UBND huyện đã chỉ đạo cấp uỷ, chính quyền các xã, thị trấn, ngành Giáo dục với nhiều giải pháp cụ thể, quan trọng để triển khai, thực hiện kế hoạch PCGD, XMC đảm bảo tiến độ; huy động số người mù chữ, tái mù chữ trong các độ tuổi ra học các lớp XMC, giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ; đặc biệt những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; quan tâm đến trẻ em gái, phụ nữ người dân tộc thiểu số. Các xã biên giới, khó khăn đã phối hợp với Bộ đội Biên phòng, Đoàn kinh tế QP 356; Hội Phụ nữ thực hiện tốt công tác xóa mù chữ, qua đó chất lượng PCGD, XMC được nâng lên và đảm bảo tính bền vững; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi các bậc học ngày càng cao là cơ sở đảm bảo cho huyện thực hiện được kế hoạch PCGD, XMC hàng năm.

Năm 2022, huyện Phong Thổ được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi; PCGDTH mức độ 3; PCGDTHCS mức độ 1, phổ cập xóa mù chữ mức độ 1.

5.2. Xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường học xanh sạch, đẹp, an toàn

Công tác kiểm định và công nhận trường chuẩn quốc gia được triển khai thực hiện đảm bảo theo các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chủ động tham mưu cho các cấp tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phát triển giáo dục. Hiện tại, toàn huyện có 20 trường chuẩn quốc gia, đạt 41,7%, trong đó: MN 04 trường, Tiểu học 07 trường, THCS và trường liên cấp TH&THCS: 09 trường, trong đó có 03 trường đạt chuẩn mức độ 2 (mầm non Hoa Ban, trường TH Thị Trấn và trường THCS Thị Trấn).

Năm 2022 công nhận thêm 03 trường: 01 trường Tiểu học, 01 trường PTDTBT tiểu học và 01 mầm non đạt kiểm định chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia. Kiểm tra và công nhận trường Mầm non Hoa Ban Thị Trấn Phong Thổ đạt chuẩn mức độ 2 (đạt kế hoạch đề ra).

Chỉ đạo 100 % các trường thực hiện nghiêm túc về việc xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn. Năm 2022 được Sở giáo dục và đào tạo công nhận 02 trường, nâng tổng số trường đạt xanh, sạch, đẹp, an toàn toàn huyện 43/48 trường = 87,5%.

5.3. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo phòng GD&ĐT phối hợp với các cơ quan rà soát thực trạng quy mô trường/lớp, điều kiện và nhu cầu để đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa CSVN, thiết bị dạy học của từng cấp học. Đầu tư thay thế các phòng học tạm, nhà bán trú và các hạng mục phụ trợ khác (*bếp, nhà ăn, nhà vệ sinh cho học sinh...*), trường

chuẩn quốc gia. Xây dựng môi trường cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp - an toàn, chú trọng đến vệ sinh trường, lớp.

Tích cực xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC, lồng ghép các nguồn kinh phí để tăng hiệu quả đầu tư tránh lãng phí sau khi đưa vào sử dụng. Kết quả: Tính đến tháng 5/2023, toàn ngành có 1.246 phòng học, số phòng kiên cố 750 = 60,2%, bán kiên cố là 447 phòng = 35,9%; số phòng học tạm 49 phòng = 3,9%.

Xây dựng kế hoạch tổng thể CSVC, thiết bị trường học đồng bộ với lộ trình thực hiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo cho việc thực hiện chương trình trong năm học 2022-2023.

6. Các hoạt động phong trào

Chỉ đạo triển khai nghiêm túc phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”; quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến; kiên quyết khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; tích cực đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Xây dựng phong trào thi đua sâu, rộng từ vùng thuận lợi cho đến vùng đặc biệt khó khăn, biên giới.

Việc tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao trong các nhà trường đã được thường xuyên tổ chức nhằm tạo không khí trong các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đã tổ chức các hoạt động văn nghệ thể dục thể thao chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2022) được đội ngũ viên chức trong toàn ngành tham gia với nội dung bóng chuyền hơi Nam và Nữ, tổ chức hội thi “Tiếng hát giáo viên” ngành giáo dục lần thứ 5 với 17/17 cụm giáo dục tham gia với hơn 400 diễn viên, vận động viên là các thầy giáo, cô giáo trong toàn ngành.

Công tác đội đã được Ban giám hiệu, tổng phụ trách đội các trường đặc biệt quan tâm, đã chỉ đạo Tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm các lớp đưa các trò chơi dân gian, tiếng hát, điệu múa dân gian vào các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; duy trì hoạt động thường xuyên như: sinh hoạt chào cờ đầu tuần, các bài tập thể dục nhịp điệu, ca múa hát tập thể vào đầu giờ và giữa giờ học. Đã có nhiều các chương trình hoạt động được tổ chức như: tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ, tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp trường, thi viết báo tường chào mừng các ngày lễ lớn, xây dựng các quỹ nhi đồng, quỹ đội....

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Năm học 2022-2023 được sự chỉ đạo sát sao của Thường trực Huyện ủy, sự hỗ trợ về công tác chuyên môn của Sở Giáo dục và đào tạo, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ toàn ngành, hưởng ứng nhiệt tình của các em học sinh, công tác giáo dục của huyện đã có những chuyển biến tích cực, hoàn thành tốt và vượt kế hoạch giao.

Kỷ cương, nề nếp trong các nhà trường được tăng cường. Việc đổi mới trong công tác quản lý và điều hành có nhiều chuyển biến tích cực. Đã kiện toàn về bộ máy, cơ sở vật chất đảm bảo cho việc dạy và học.

Giữ vững được kết quả PCGDTH - XMC, thực hiện đúng tiến độ công tác phổ cập giáo dục ở cả 3 cấp học. Công tác xã hội hoá giáo dục đã có những chuyển biến tích cực.

Đội ngũ cán bộ quản lý được kiện toàn, có năng lực quản lý, nhiệt tình trách nhiệm, đội ngũ giáo viên được bổ sung cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc. Trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng cao. Việc triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy và học đem lại hiệu quả cao.

Cơ sở vật chất trường, lớp học đã được kiên cố hoá tại hầu hết các trung tâm xã, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của các nhà trường được quan tâm đặc biệt là đồ dùng dạy học và thiết bị đồ chơi của ngành học mầm non. Các chế độ chính sách của cán bộ, giáo viên, học sinh được giải quyết đúng, đủ và kịp thời. Hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú được củng cố, dần ổn định, đi vào hoạt động có nề nếp.

Các phong trào thi đua đã phát động được các trường triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được kết quả cao.

2. Hạn chế

Việc duy trì sỹ số học sinh của một số đơn vị có thời điểm chưa cao, chất lượng giáo dục toàn diện ở một số trường chưa được tốt, đặc biệt là một số trường vùng khó khăn, biên giới. Việc phối kết hợp các lực lượng xã hội tham gia vào công tác giáo dục trên địa bàn chưa được thường xuyên.

Đội ngũ cán bộ quản lý thiếu, chưa được kiện toàn kịp thời. Giáo viên thiếu nhiều đặc biệt là cấp học mầm non và THCS (GV Tiếng Anh, Tin học, Toán, Ngữ Văn).

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu, số phòng học tạm còn nhiều, hầu hết các trường không có thư viện, phòng thí nghiệm, phòng bộ môn phần nào ảnh hưởng đến dạy và học.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023-2024

Năm học 2023-2024 là năm tiếp theo thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; năm học tiếp theo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

1. MỤC TIÊU

Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, phấn đấu đưa chất lượng giáo dục của huyện bằng mặt bằng chung của toàn tỉnh.

Duy trì, giữ vững chuẩn Quốc gia về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia.

2. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

2.1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Bổ sung, kiện toàn cán bộ quản lý các đơn vị còn thiếu. Thực hiện tuyển dụng giáo viên các cấp học còn thiếu so với biên chế được giao.

2.2. Huy động tối đa số học sinh trong độ tuổi ra lớp và nâng cao tỷ lệ học sinh chuyên cần, đặc biệt là trường THCS vùng ĐBK. Chỉ đạo các trường tích cực tham mưu quyết liệt và có hiệu quả với cấp uỷ, chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động đưa con em đến trường.

2.3. Nâng cao chất lượng giáo dục

Đối với giáo dục mầm non: Quan tâm tới việc rèn Tiếng Việt cho trẻ, đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ khi ở trường. Thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương, tổ chức có hiệu quả việc giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ khi đến trường.

Đối với giáo dục phổ thông: Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; nhất là nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn; nâng cao chất lượng ở các môn Toán và Tiếng Việt đối với cấp học Tiểu học và 8 môn cơ bản cấp học THCS, đặc biệt đối với khối lớp 9 ở 3 môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh.

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018. Bố trí cán bộ giáo viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới, áp dụng có hiệu quả tại đơn vị.

Chỉ đạo hiệu quả việc tổ chức dạy học theo đối tượng vùng miền, bám sát theo chuẩn kiến thức kỹ năng, phát huy hiệu quả việc dạy học 02 buổi/ ngày, dạy học tăng buổi/ tuần đối với cấp học Tiểu học; tăng cường dạy phụ đạo học sinh yếu đối với cấp THCS. Tăng cường việc kiểm tra và tư vấn để nâng cao chất lượng giáo dục. Tăng cường chỉ đạo công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu.

2.4. Tổ chức tốt việc quản lý và nuôi dưỡng học sinh bán trú

Tổ chức tốt mô hình bán trú trong trường học, hướng dẫn học sinh trong các hoạt động ngoại khóa, tăng gia sản xuất để cải thiện đồng thời rèn kỹ năng sống, lao động, vệ sinh. Đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh ATTP.

Thực hiện đảm bảo các chế độ, chính sách cho cán bộ, GV, nhân viên và học sinh. Tổ chức tốt các hoạt động cho học sinh ở bán trú, trường liên cấp bán trú, đảm bảo chế độ chính sách cho học sinh. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao, các trò chơi dân gian phù hợp với đối tượng học sinh. Rèn ý thức tự giác trong học tập, sinh hoạt tại trường cho học sinh để góp phần từng bước nâng cao chất lượng dạy và học.

2.5. Nâng cao chất lượng đội ngũ toàn ngành về ý thức trách nhiệm, năng lực, kiến thức chuyên môn.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt và lương tâm nghề nghiệp. Nâng cao ý

thức, trách nhiệm của CBQL, giáo viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao đặc biệt là các trường yếu. Tăng cường kỷ cương, nề nếp trong công tác quản lý và dạy học. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc bồi dưỡng, tự bồi dưỡng của đội ngũ để nâng cao chất lượng giảng dạy trong các nhà trường.

Sắp xếp và biên chế đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cho các trường còn thiếu. Thực hiện tinh giản biên chế đối với những viên chức có chuyên môn yếu, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, từ đó góp phần thực hiện tốt việc tinh gọn bộ máy, hoạt động có hiệu quả góp phần thực hiện tốt đề án tinh giản biên chế của huyện.

Chỉ đạo các đơn vị giáo dục thực hiện nghiêm túc Nghị định 90, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, xếp hạng chức danh, nghề nghiệp.

2.6. Về công tác phổ cập giáo dục và hoạt động của các TTHTCĐ

Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Duy trì bền vững công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với 17 xã, thị trấn, phấn đấu năm 2022 có 17/17 duy trì đạt chuẩn phổ cập GD mầm non; PCGD tiểu học: có 17 xã, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3; PCGD THCS: 15 xã đạt chuẩn mức độ 2, 02 xã mức độ 3. Chỉ đạo các trường tham mưu chính quyền địa phương phát huy tính tích cực của các TTHTCĐ. 100% TTHTCĐ hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

2.7. Về kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục

Tăng cường kiểm tra, kiểm tra đột xuất đối với cơ sở, tập trung kiểm tra công tác quản lý và chỉ đạo của Hiệu trưởng, đặc biệt quan tâm các trường thuộc các xã biên giới, khó khăn. Chỉ đạo các đơn vị xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học; nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra, tư vấn, giúp đỡ các đơn vị.

Tổ chức việc kiểm tra chất lượng học sinh cuối kỳ, cuối năm được thực hiện theo hình thức bậc học trên nghiệm thu bậc học dưới, lớp học trên nghiệm thu lớp học dưới đảm bảo khách quan, nghiêm túc phản ánh đúng chất lượng.

Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở. Thực hiện công khai, dân chủ theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT.

2.8. Xây dựng cơ sở vật chất và chi tiêu ngân sách

Tham mưu các cấp, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường bán trú, trường chuẩn Quốc gia; sửa chữa và nâng cấp cơ sở vật chất. Chỉ đạo các trường quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị có hiệu quả.

Chỉ đạo các đơn vị thực hiện quản lý tài chính đúng luật, sử dụng nguồn tài chính một cách có hiệu quả.

Huy động mọi nguồn lực hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học. Quản lý và sử dụng nguồn xã hội hóa đúng mục đích, công khai, hiệu quả. Huy động các nguồn lực xây dựng các công trình vệ sinh, tường rào xung quanh trường và các điểm trường đảm bảo cho công tác vệ sinh trường lớp, an ninh trật tự.

2.9. Thực hiện các cuộc vận động, phong trào và thi đua, khen thưởng

* *Các phong trào thi đua và các cuộc vận động*: Chỉ đạo các trường tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào VHVN-TDĐT và các cuộc vận động do

các cấp phát động. Tổ chức hội thi Tiếng hát hoa phượng đỏ các cấp, Hội thi Tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Tổ chức hội thao chào mừng 26/3...

* *Nhiệm vụ đối với công tác thi đua khen thưởng:* Hướng dẫn các trường thực hiện nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm. Thẩm định, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của các đơn vị. Quan tâm bồi dưỡng Nhà giáo ưu tú. Phân đấu 100% CBGV- CNV hưởng ứng và đăng ký thực hiện các phong trào thi đua.

2.10. Về trường chuẩn Quốc gia gắn với phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực

Xây dựng trường chuẩn Quốc gia gắn với phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Duy trì, giữ vững 20 trường đạt chuẩn Quốc gia hiện có. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung nguồn nhân lực và đề nghị công nhận 03 trường đạt chuẩn Quốc gia trong năm 2023 (trường Mầm non Mừng So, Mầm non Ma Li Pho, TH&THCS số 1 Bản Lang) nâng tổng số trường đạt chuẩn của huyện lên 23/48 trường đạt 47,92%.

Chú trọng công tác giáo dục đạo đức và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, đặc biệt là các trường có học sinh bán trú, phát động phong trào tạo cảnh quan trường học xanh - sạch- đẹp - an toàn. Tăng cường mối quan hệ thân thiện giữa thầy - thầy, thầy - trò, triển khai có hiệu quả các hoạt động phong trào, hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm thu hút học sinh tới trường.

Trên đây là Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm học 2023-2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Lai Châu (B/c);
- TT. Huyện uỷ (B/c);
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Thị Hồng Sim